



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG

ngày tháng 10 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia
/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm:	Phòng Quản lý Chất lượng
Laboratory:	Quality Management Department
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Công ty TNHH cao su Việt Lào
Organization:	Viet Lao Rubber Co.,Ltd
Số hiệu/ Code:	VILAS 1239
Chuẩn mực công nhận Accreditation criteria	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Hóa, Cơ
Field:	Chemical, Mechanical
Người quản lý:	Nguyễn Tiến Dũng
Laboratory manager:	Nguyen Tien Dung
Hiệu lực công nhận Period of Validation:	Kể từ ngày / 10 / 2025 đến ngày 19 / 10 / 2030
Địa chỉ:	Km 6, bản Huội Nhăng Khăm, TP. Pakse, tỉnh Champasak, CHDCND Lào
Address:	Km 6 Huội Nhăng Khăm village. Pakse city, Champasak province, Lao PDR
Địa điểm:	Km 6, bản Huội Nhăng Khăm, TP. Pakse, tỉnh Champasak, CHDCND Lào
Location:	Km 6 Huội Nhăng Khăm village. Pakse city, Champasak province, Lao PDR
Điện thoại/ Tel:	(00856)(20)31900410
Email:	phongqlclvietlao@gmail.com
Website:	http://www.vietlaorubber.com

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1239**Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa, Cơ**

Field of testing: Chemical, Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ Materials or product tested	Tên phép thử cụ thể/ The name of specific tests	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo Limit of quantitation (if any)/range of measurement	Phương pháp thử/ Test method
1.	Cao su thiên nhiên SVR Natural rubber SVR	Xác định hàm lượng tạp chất Determination of dirt content	0.01 %	TCVN 6089:2016 (ISO 249:2016)
2.		Xác định hàm lượng tro Phương pháp A Determination of ash content A method	0.12 %	TCVN 6087:2010 (ISO 247:2006)
3.		Xác định hàm lượng Nitơ Phương pháp bán vi lượng Determination of Nitrogen content Semi-micro method	0.18 %	TCVN 6091:2016 (ISO 1656:2014)
4.		Xác định hàm lượng chất bay hơi Phương pháp tủ sấy - Quy trình A Determination of volatile-matter content Oven method – A process	0.1 %	TCVN 6088-1:2014 (ISO 248-1:2011)
5.		Xác định độ dẻo Phương pháp máy đo độ dẻo nhanh Dertermination of plasticity Rapid plastimeter method	(24.8 ~ 52.2) Wallace	TCVN 8493:2010 (ISO 2007:2007)
6.		Xác định chỉ số duy trì độ dẻo (PRI) Dertermination of plasticity retention index (PRI)	(50 ~ 83) %	TCVN 8494:2020 (ISO 2930:2017)
7.		Xác định chỉ số màu Dertermination of colour index	(3 ~ 7) Lovibond	TCVN 6093:2013 (ISO 4660:2011)
8.		Xác định độ nhớt Mooney Phương pháp sử dụng nhớt kế đĩa trượt Dertermination of Mooney viscosity Using a shearing - disc viscometer method	(59.5 ~ 83.2) Mooney	TCVN 6090-1:2015 (ISO 289-1:2015)

Ghi chú / Notes:

Trường hợp Công ty TNHH cao su Việt Lào cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH cao su Việt Lào phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ It is mandatory for the Viet Lao Rubber Co.,Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service

